TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Mỹ Tho, ngày 29 tháng 6 năm 2018*

Số:117 /2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ thụ lý số 378/2018/TLST-VHNGĐ ngày 08/6/2018 giữa:

Người yêu cầu:

1/ Anh **Trần Văn T1**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Chị **Nguyễn Thị T2,** sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 113 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn người yêu cầu:**

1/ Anh **Trần Văn T1**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Chị **Nguyễn Thị T2,** sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2**. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T2 trực tiếp nuôi Trần Quốc N sinh ngày 28/8/2012. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền đến trông nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. **<u>Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm</u>**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn T1, chị Nguyễn Thị T2 mỗi người chịu 150.000 đồng. Anh T1, chị T2 mỗi người đã nộp tạm ứng lệ phí 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012678, 0012677 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSNDTP M;
- Chi cục THADS TP M;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, TP M- TG;
Kết hôn năm 2012;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Ngọc Hoa